

BẢO TÀNG NÔNG CỤ NAM BỘ, tại sao không?

Trương Ngọc Tường - Nguyễn Ngọc Phan

NÔNG CỤ LÀ NHỮNG DỤNG CỤ LÀM NGHỀ NÔNG, PHONG PHÚ VÀ ĐA DẠNG NHẤT LÀ CÁC LOẠI NÔNG CỤ SỬ DỤNG TRỒNG LÚA NƯỚC. NGÀY NAY DO TĂNG VỤ, DO CƠ GIỚI HÓA, NÔNG CỤ CÀNG NGÀY CÀNG CẢI TIẾN. CÁC LOẠI NÔNG CỤ THÔ SƠ MAI MỘT DẦN. SINH THỜI THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIẾT CÓ ĐEM SUY NGHĨ CỦA MÌNH BÀN VỚI MỘT SỐ NGƯỜI CÓ TÂM HUYẾT THÀNH LẬP BẢO TÀNG

NÔNG CỤ NAM BỘ NHẪM BẢO LƯU TRUYỀN THỐNG CỦA TIỀN NHÂN. TỈNH VINH LONG ĐÃ HUỖNG ỨNG Ý TƯỞNG NÀY VÀ ĐÃ NGHIÊN CỨU HOÀN THÀNH ĐỀ TÀI NÔNG CỤ Ở TỈNH VINH LONG THẾ KỶ XX (1919-2000), NHUNG ĐẾN NAY CHƯA CÓ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU TIẾP TỤC CHO TRỌN VẸN. VIỆC HÌNH THÀNH BẢO TÀNG NÔNG CỤ NAM BỘ VẪN CHƯA THỰC HIỆN ĐƯỢC NHƯ ƯỚC NGUYỆN CỦA NGÀI CỐ THỦ TƯỚNG.

Nông cụ vùng đồng bằng Nam bộ có những loại vốn là nông cụ của tổ tiên ở vùng đồng bằng sông Hồng. Quá trình di dân vào miền Trung, được tiếp cận với nông dân người Chăm ở vùng đồng bằng sỏi đá, các loại nông cụ ở đây đã được cải tiến chắc chắn hơn. Khi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long, nông dân Việt tiếp nhận thêm các loại nông cụ của người Khmer, kinh nghiệm chế tác nông cụ của người Hoa... Đặc biệt, trong thời Pháp thuộc, tại Sài Gòn tổ chức các cuộc triển lãm thành tựu các xứ thuộc địa, có những gian hàng trưng bày các loại nông cụ phương Tây, của người Philippin...qua đó nông dân Nam bộ có dịp học hỏi để có thể áp dụng vào việc cải tiến các loại nông cụ của mình.

Qua nhiều lần cải tiến,

nhiều nông cụ đã trở thành hiện vật bảo tàng vì không còn công năng sử dụng theo lối canh tác hiện đại.

Điển hình như một số nông cụ sau đây:

1. Nông cụ dọn cỏ, cày cấy.

Cây phăng là một loại nông cụ đặc dụng ở vùng ruộng bưng nước sâu, nhiều cỏ. Ở Nam bộ có 4 loại phăng: Phăng gai dùng để phát cỏ bờ. Cây phăng gai chính là cây phăng ở miền ngoài dùng để





Nọc cây

phát cỏ ở các gò, trảng, cán dài, không thể dùng để phát ruộng cỏ. Phẳng cổ cò còn gọi là phẳng cổ eo phổ biến ở vùng đồng ruộng Tháp Mười, hoặc vùng Tiền Giang – Hậu Giang. Phẳng giò nai giống như cái giò con nai, cổ phẳng dài, được nông dân vùng Bến Lức – Tân An – Cần Đước – Cần Giuộc sử dụng phổ biến. Phẳng cổ lùn còn gọi là “phẳng nắp nắp”, thích hợp với loại ruộng cạn, ít nước. Một loại phẳng cổ lùn khác gọi là phẳng cổ lùn loi (hoặc phẳng nắp loi) và phẳng cổ lùn lớn thích hợp với ruộng ít nước.

Khoảng 1930 – 1940, ở đồng bằng sông Cửu Long còn khá nhiều ruộng bung, nông dân còn dùng phẳng cổ cò hoặc phẳng giò nai để phát cỏ. Đối với thể hệ nông dân hiện tại hai loại phẳng cổ cò và phẳng giò nai trở thành một loại “nông cụ cổ”, ít người sử dụng.

Cày là một trong những loại nông cụ quan trọng. Ở Nam bộ có 3 loại cày: Cày đôi là loại cày kết hợp giữa chiếc cày chìa vôi của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng với cây cày của người Chăm miền Trung đã qua cải tiến. Vùng đồng bằng sông Cửu Long đất sinh lầy nên phải dùng hai con trâu kéo, mắc ách đôi lên cổ trâu, gắn liền với cái vòi đàn nhờ cây đôi và dây đôi, dây nài, dây ống. Cây đôi tuy đơn sơ nhưng làm nhiệm vụ quan trọng

là điều chỉnh thẳng bằng khi cày, giúp cho trâu vượt qua những chỗ đất không bằng

phẳng.

Cày bắp tức là cày chết, nguyên thủy là cây cày của người Khmer, vì có cái bắp dài nên gọi là cày bắp. Cày bắp nguyên thủy không có năng, người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long đã cải tiến đóng thêm cây năng xuyên qua bắp cày, kèm chắc chắn, nhưng không điều chỉnh đường cày theo ý muốn vì không có cây đôi. Cày bắp thích hợp với vùng đất sinh lầy đồng Tháp Mười, vùng đồng bằng sông Hậu.

Khoảng năm 1930, tại Hội chợ các xứ thuộc địa Đông Dương tổ chức tại Sài Gòn có triển lãm cây cày của người Khmer. Những người thợ làm cày ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có dịp tiếp cận với loại cày này và họ đã cải tiến làm ra một cây cày phù hợp với vùng đất đồng bằng, gọi là cày Mên. Trong quá trình cải tiến, người Việt nghĩ ra cách lấy lá sắt làm trạnh cày hàn dính với lưỡi cày vừa chắc vừa nhẹ. Cây cày Mên không có cây đôi, cây năng nên không chắc chắn. Thợ làm cày người Việt đã đục rộng lỗ mộng trên thân cày và một con bang, chêm vào lỗ mộng. Vì vậy khi đi cày, người cầm cày phải đem theo cái búa, nếu gặp chỗ đất không bằng phẳng hay đất cứng, muốn lưỡi cày xới sâu thì dùng búa tháo con bang nêm lỗ mộng trên thì cày sẽ ăn xuống, ngược lại khi gặp đất sinh, lưỡi cày ăn xuống thì tháo con bang mộng dưới thì lưỡi cày ăn lên.

Sau khi cày xong, nhà nông cho nước vào ruộng ngâm đất. Trục là dụng cụ nhấn chìm cỏ xuống bùn và làm cho đất nhuyễn ra. Ở ruộng sâu có thể dùng cách trục nhận, tức trục nhiều bận qua lại làm bùn nổi lên, cho cỏ mục. Ở vùng ruộng cạn, sau khi trục xong phải dùng

bừa và cào gom dọn hết cỏ rồi trục lại một bận nữa trước khi cày. Trục truyền thống là trục trái khế, còn gọi là trục khĩa, Về sau có thêm hai loại trục cải tiến: Trục công, Trục sắt...

Bừa là nông cụ dùng xới bề mặt của đất và cào cỏ. Thân bừa có từ 9 đến 10 răng. Mỗi răng dài khoảng 0,2m. Tùy theo vùng đất mà người ta tính độ dài của thân bừa. Nếu đất lầy, gấn 10 răng, tức loại dài đến 2m thì trâu sẽ kéo không nổi, vì vậy có câu “Chín răng trâu cười, mười răng trâu khóc”. Khi nông gia chuyển sang phương pháp sạ khô, vùng đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện hai loại bừa cải tiến, gồm: Bừa sắt, bừa lia...

Đất Nam bộ bùn lầy nên việc cày, bừa, trục... phải dùng một đôi trâu mới kéo nổi. Vì vậy nhà nông thiết kế phần đuôi gọng bừa hay trục có gắn con sẽ làm chốt. Từ chốt sẽ nẩy người ta buộc sợi dây nài vòng qua cái ách đôi đặt trên cổ hai con trâu, thêm một sợi dây ống buộc cứng cổ hai con trâu vào cái ách, vì vậy có câu “vặn nài bẻ ống”.

Trước khi chuyển sang phương pháp lúa sạ như hiện nay, cây lúa là một công đoạn chủ yếu của mùa vụ. Nông cụ sử dụng là chiếc nọc cây. Có tài liệu cho rằng cây nọc xuất hiện đầu tiên ở xứ Đông Nai, đó là cây nọc chày, bắt chước cây nọc tria lúa của tộc người Tây Nguyên. Cây nọc đầu tiên được mô tả to hơn cổ tay, trụ tròn hoặc bát giác dài trên 2m, đầu trên bằng, dưới nhọn nọc chày vắng bóng đã lâu, ngày nay thỉnh thoảng khi đào đất bắt gặp những cây nọc to lớn dị thường này người ta thường bảo nhau đó là cây nọc cấy lúa của người khổng lồ thời thượng cổ.

Nọc cấy lúa ở Nam bộ phổ biến có các loại:

-Nọc cổ bông là loại nọc có hình bát giác, to, đầu trên cổ thắt eo hình cái bông (một loại nhạc cụ), đầu dưới nhọn. Tại eo thắt đâm ngang một cây công

làm điểm tựa. Nọc cổ bông có 2 loại: Loại ngắn dùng để cấy mạ tốt ruộng cạn. Loại dài dùng để cấy mạ tốt ruộng bưng. Nọc cổ bông loại dài cũng được sử dụng để cấy lúa cây, một số nơi gọi là cấy giâm.

-Nọc chia vôi tròn, nhỏ, mũi nhọn, cũng có cây chông gắn ngang gần đầu nọc. Nọc chia vôi có hai loại: Loại ngắn dùng để cấy mạ xấu ruộng cạn. Loại thứ hai dùng để cấy mạ xấu, ruộng sâu.

Nông dân vùng Tháp Mười thường sử dụng nọc cổ bông loại dài vì đất ở đây nhiều phù sa, nước sâu, mạ tốt. Trái lại nông dân vùng Gò Công, Cần Đức, Cần Giuộc thường dùng loại nọc cổ bông loại ngắn vì ruộng vùng này cạn. Vùng đất cù lao thì dùng nọc chia vôi loại dài, vùng đất cát thì dùng nọc chia vôi ngắn. Ngoài ra, những nơi đất phù sa cứng có nhiều cát, người ta thường sử dụng nọc cấy lúa chết, một loại lúa nảy mầm từ gốc rạ, được tận dụng trong những mùa thiếu mạ.

Dụng cụ cấy lúa còn có cái phẳng cấy mạ, giống như cái phẳng phát cỏ, nhưng do chức năng dùng để cấy nên cây phẳng cấy chỉ bén ở đầu, phần lưỡi không được mài bén. Cây phẳng cấy do thợ rèn vùng Vũng Liêm – Long Hồ (Vĩnh Long) chế tác và sản xuất khoảng năm 1930 – 1940.

Ngoài ra còn có nọc cấy mạ của người Khmer cũng làm bằng gỗ, gần đầu nọc cũng có cây chông tương tự như nọc chia vôi loại dài của người Việt. Nét đặc biệt nọc cấy của người Khmer là phần chế tác mỹ thuật. Những cây nọc bình thường làm bằng gỗ sao, rất tròn trịa được tiện chuôi, thân nọc và cây chông chạm hoa văn. Có những cây nọc đặc biệt cây chông được làm bằng sừng, chạm hình rắn Nagar uốn lượn, có khi được thếp vàng, gọi là cây “nọc vua”.

Nọc cấy của người Việt tuy đơn giản hơn, nhưng cũng được

xem một vật dụng thân thiết gắn bó với nghề, cho nên có nhiều chiếc nọc được chủ nhân khắc chữ trên đó, có là tên của mình cũng có khi là một chữ nào đó có ý nghĩa đánh dấu một kỉ niệm...

Hỗ trợ cho việc làm đất, cấy lúa còn có các nông cụ dụng để nhỏ mạ như: mong kéo mạ, bàn nhỏ mạ, bàn cào, trang bùn, trạc...

2. Dụng cụ thu hoạch lúa.

Gặt lúa, cắt lúa có hai loại hái và liềm:

Vong hái của người Việt chế tác từ loại gỗ nhẹ và chắc. Vong hái có một cái cán dài trên thân khoét một cái rãnh để cắm lưỡi hái. Lưỡi hái cấu tạo theo dạng răng chấu rất bén, phần đầu được mài bằng, tránh va chạm không cần thiết. Vong hái của người Khmer cũng có hai phần: Vong hái và lưỡi hái. Loại vong hái này thường làm bằng gỗ, bằng sừng, có loại chạm khắc hoa văn mỹ thuật. Điểm đặc biệt của loại vong hái này là lưỡi hái cắm vào thân ngược chiều với cái móc vong. Động tác cắt lúa của người Khmer phức tạp, nên người Việt sử dụng loại hái này không quen thường hay bị đứt tay.

Lưỡi liềm hiện nay gọi phổ biến là lưỡi hái. Ngày xưa nông dân trồng lúa mùa, thân cao nên phải dùng vong hái cắt lúa, còn liềm chỉ sử dụng để cắt cỏ. Ở Nam bộ, liềm cắt lúa có hai kích cỡ: Liềm loi có lưỡi loi dùng để cắt bụi lúa to. Liềm cong, lưỡi cong để cắt bụi lúa nhỏ.

Khi gặt lúa, nếu vào mùa ruộng khô cạn nông dân thường dùng bồ đập lúa ngay tại ruộng rồi dùng bồ cộ chở lúa về sân phơi. Bồ cộ cấu tạo như cái chân bồ đập lúa. Có khi người ta sử dụng nó với hai công năng: đập lúa và cộ lúa. Khi đập lúa xong thì gắn thêm một cây đôi ở giữa rồi chắt lúa lên, dùng dây đôi buộc đầu cây đôi với cái ách đôi đặt lên cổ trâu, rồi lại dùng dây ống quần chặt, xong thúc trâu kéo cộ về sân phơi. Xưa hầu hết các dây ruộng lớn đều có bồ cộ.

Những bồ cộ trâu hiện nay vẫn còn dấu tích mặc dù không ai sử dụng nữa.

Cách quạt lúa nhẹ nhàng nhất là dùng xa quạt gió. Xa quạt được đóng bằng gỗ, gồm có: Bộ phận dụng lúa hình chiếc phễu; bộ phận của thoát có ba cửa. Khi quạt khởi động, lúa chắc nặng hơn sẽ lọt xuống cửa thứ nhất chảy xuống máng thứ nhất. Lúa lụng, lúa lép thì bị tống ra phía trước rơi xuống cửa thoát thứ hai, chảy xuống máng thứ hai. Các loại bụi hay rom nhẹ hơn bị tống thẳng ra miệng quạt. Xa quạt gió chỉ cần ba người thay phiên: một người đổ lúa vào quặng, hai người thay phiên quạt thì mỗi ngày có thể quạt được 100 gạ lúa sạch.

Nông cụ truyền thống Nam bộ có hàng chục loại. Ngoài các loại kể trên còn có các dụng cụ chứa lúa, xay, giã sử dụng phổ biến trước năm 1945, như bồ, bịch, cối xay, cối giã, sàng, vung...Nông cụ dùng để đưa nước lên ruộng như gàu dai, gàu sòng, xa quạt nước; đặc biệt là khi đào ao, lên liếp, lập vườn... các loại nông cụ đào đất đóng vai trò quan trọng như các loại mai, xuồng, vá, cuốc, len...Hiện nay một vài nông cụ này còn sử dụng, đa phần đã thuộc loại hiện vật bảo tàng. ■

Nọc cấy

